TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**

2. Ông **Nguyễn Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa*.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S,** sinh năm: 1981.

Nơi ĐKHKTT: Ấp P, xã Tr, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi sinh sống hiện nay: Ấp H, xã F, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư **Nguyễn Văn T**, Văn phòng luật sư Z, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn L,** sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp P, xã Tr, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị S, anh L, Luật sư T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Võ Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Trí. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do bất đồng quan điểm, anh L không quan tâm đến vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Chị và anh L đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2021 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Võ Ngọc Y, sinh ngày 31/7/2018, hiện con chung do chị nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Có căn nhà vợ chồng ở lúc còn sống chung, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Theo Tờ tự khai đề ngày 18/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn L trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với trình bày của chị S. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xảy ra cự cãi là đúng, nhưng anh không có đánh chị S. Nay anh không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Có căn nhà như chị S khai xây dựng lúc vợ chồng sống chung, nhưng tiền xây dựng nhà của gia đình anh cho, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Về quan hệ vợ chồng anh L cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, vợ chồng cắt đứt quan hệ đã lâu và không ai tới lui ai, nên không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S. Về con chung do chị S trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay và con anh chị bị bệnh ăn chay, không ăn mặn được, nên chi phí nuôi dưỡng con, như chi phí mua sữa... cao hơn chi phí những đứa bé bình thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chị S, giao con cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung của chị và anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị S có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh L và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh L nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*:

- Chị Nguyễn Thị S và anh Võ Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2017 ngày 06/11/2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời chị L khai do bất đồng quan điểm, anh L không quan tâm đến vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Chị và anh L đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2021 đến nay. Còn anh L khai nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến nên xảy ra cự cãi, anh không có đánh chị S như lời chị S khai.

Xét thấy, theo lời anh chị khai về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn không thống nhất, nhưng anh L thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng ý kiến dẫn đến anh chị tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 4/2021. Tại phiên tòa, anh L không đồng ý ly hôn, nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng có điều kiện hàn gắn, đoàn tụ. Hơn nữa, từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay anh cũng không có lần nào đến gặp chị S. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S và cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Võ Văn L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*:

- Anh chị có 01 con chung tên Võ Ngọc Y, sinh ngày 31/7/2018. Hiện do chị S nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, con chung do chị S nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay và trong thời gian ly thân lúc đầu anh L cũng không tới lui thăm con. Như vậy, con do chị S nuôi dưỡng đã ổn định, nên không cần xáo trộn về mặt tâm sinh lý, tình cảm của con chung mà tiếp tục giao con chung cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy, anh L không trực T nuôi con, nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, chị S yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con chị S yêu cầu mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng: Xét thấy, qua lời khai của anh L cũng như chị S tại phiên tòa, hiện tại anh L không có nghề nghiệp ổn định mà chỉ làm thuê ở địa phương, ai thuê gì thì làm việc ấy, không có thu nhập ổn định. Do vậy, chị S yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng là cao so với thu nhập trung bình của anh L, nên cần điều chỉnh và

buộc anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị S mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng là phù hợp với khả năng của anh L.

2.3. *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không đặt ra giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị S, anh L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh L chịu án phí về phần tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Chị S và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chỉ có một phần cơ sở nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

- Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Võ Văn L.

2. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị S.

Giao con chung tên Võ Ngọc Y, sinh ngày 31/7/2018 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Võ Văn L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ khi án có hiêu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L chậm thi hành phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải trả tiền lãi suất chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không đặt giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị S chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009472 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Võ Văn L chịu 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị S, anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Thiện Trí, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nhịn